

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2025/DS-ST

Ngày: 17 - 01 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng

Tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Cẩm Bình

Ông Trịnh Hoàng Giang

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Kiểm sát.

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 366/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 465/2024/QĐXXST-DS, ngày 21 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP KL

Địa chỉ: PHT, phường VTV, thành phố RG, tỉnh KG.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền ông Lê Trung V – Phó Tổng Giám đốc.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Anh Lê Trường H – Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP KL (Theo giấy ủy quyền số 1662A, ngày 24/6/2024) (có mặt).

- **Bị đơn:**

Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TP, xã Tp, huyện GR, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Lê Trường H đại diện tham gia tố tụng của nguyên đơn trình bày: Ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Đ có vốn tại Ngân hàng TMCP KL – Phòng Giao

dịch số 3. Theo hợp đồng tín dụng số: 015/23/HĐTD/1007-2822, ngày 17/02/2023. Vay số tiền 150.000.000 đồng; mục đích vay sản xuất nông nghiệp; thời hạn vay 12 tháng; ngày giải ngân 17/02/2023. Lãi suất thỏa Th là 16.10%/năm áp dụng đối với các khế ước NH nợ giải ngân trong vòng 03 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất quá hạn bằng 150% tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; mức phạt chậm trả lãi bằng 10%/năm. Hình thức thanh toán: Gốc lãi trả cuối kỳ, lãi 6 tháng trả 1 kỳ.

Tài sản thế chấp dùng để bảo đảm hợp đồng tín dụng là hợp đồng thế chấp số CQ 363072, số vào sổ cấp giấy chứng NH quyền sử dụng đất 108636, thửa số 564, tờ bản đồ số 5; diện tích 186.7m²; tọa lạc tại ấp Thạnh Phong, xã Thạnh Phước, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 17/01/2019, ông Nguyễn Văn Th đứng tên.

Quá trình vay vốn đến nay ông Th, bà Đ chưa thanh toán tiền gốc cũng như đóng lãi. Tạm tính đến ngày 18/11/2024, ông Th, bà Đ còn nợ tiền gốc: 150.000.000 đồng; lãi trong hạn 22.259.589 đồng; lãi quá hạn là 23.393.836 đồng; tiền phạt chậm trả 2.261.742 đồng. Tổng cộng 197.915.167 đồng và lãi phát sinh trên dư nợ gốc cho đến khi trả dứt nợ. Nay Ngân hàng yêu cầu ông Th, bà Đ phải trả số tiền gốc và lãi nêu trên. Trường hợp Tòa án chấp NH yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng khi bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Th, bà Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp ông Th, bà Đ đã ký để thu hồi nợ theo thỏa Th.

Anh H đại diện Ngân hàng xác định tài sản thế chấp do vợ chồng ông Th, bà Đ đang trực tiếp quản lý sử dụng; giấy chứng NH quyền sử dụng đất đang thế chấp tại Ngân hàng.

Tại biên bản hòa giải bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Bà Đ xác NH bà và chồng Nguyễn Văn Th có ký kết hợp đồng vay vốn số tiền vay thời hạn và tài sản thế chấp là đúng như đại diện ngân hàng trình bày. Nhưng nay ông Nguyễn Văn Th và bà đang bị bệnh lo Đ trị nên không có khả năng trả nợ. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà và ông Th trả số tiền gốc và lãi tính đến ngày hòa giải hôm nay tổng cộng là 197.915.836 đồng, bà đồng ý trả nhưng bà đề nghị khi bán được nhà đất bà sẽ trả đủ số tiền này. Nếu Ngân hàng có kêu ai bán được thì bán để bà trả nợ chứ thực tế gia đình bà đã không còn khả năng trả nợ.

Bà Nguyễn Thị Đ cam kết giấy chứng nH quyền sử dụng đất đang thế chấp tại ngân hàng còn đất thì vợ chồng bà đang trực tiếp sử dụng không cầm cố cho bất kỳ ai.

Tại phiên toà anh Lê Trường H đại diện Ngân hàng TMCP KL yêu cầu ông Th bà Đ phải trả số tiền vay theo hợp đồng số 015/23/HDTD/1007-2822 ngày 17/02/2023, tính đến ngày xét xử sơ thẩm cụ thể là gốc 150.000.000 đồng; lãi trong hạn 22.373.014 đồng; tiền phạt chậm trả lãi: 2.638.063 đồng; lãi quá hạn: 28.497.945 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 203.509.022 đồng (Hai trăm lẻ ba triệu năm trăm lẻ chín nghìn không trăm hai mươi hai đồng) và lãi suất sau ngày 17/01/2025 đến khi trả dứt số nợ trên. Trường hợp ông Th bà Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đủ thì đề nghị phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo thỏa Th.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên toà Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nH yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NH ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nH định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP KL khởi kiện ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Đ có nơi cư trú tại ấp Thạnh Phong, xã Thạnh Phước, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, theo quy định tại khoản 3 Đ 26, điểm a khoản 1 Đ 35 và điểm b khoản 1 Đ 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Th, bà Đ phải trả số nợ vay theo hợp đồng tín dụng xác định là quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP KL khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp

đồng vay số 015/23/HDTD/1007-2822 ngày 17/02/2023, tính đến ngày xét xử sơ thẩm cụ thể là gốc 150.000.000 đồng; lãi trong hạn 22.373.014 đồng; tiền phạt chậm trả lãi: 2.638.063 đồng; lãi quá hạn: 28.497.945 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 203.509.022 đồng (Hai trăm lẻ ba triệu năm trăm lẻ chín nghìn không trăm hai mươi hai đồng) và lãi suất sau ngày 17/01/2025 đến khi trả dứt số nợ trên. Trường hợp ông Th bà Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đủ thì đề nghị phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo thỏa Th. Hội đồng xét xử xét thấy việc ký kết hợp đồng vay vốn giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự và thực hiện đúng với các quy định của pháp luật về ký kết hợp đồng cấp tín dụng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Th, bà Đ đã vi phạm nghĩa vụ đóng lãi và trả nợ gốc. Tại phiên hòa giải bị đơn bà Nguyễn Thị Đ xác nh hiện tại còn nợ Ngân hàng số tiền gốc cũng như lãi suất và tài sản thế chấp như đại diện Ngân hàng trình bày là đúng. Hiện tại gia đình đã mất khả năng trả nợ nên đề nghị Ngân hàng thực hiện thỏa Th phát mãi tài sản bán để thu hồi nợ theo quy định. Nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Th, bà Đ phải thanh nợ theo hợp đồng tín dụng gốc và lãi là có căn cứ phù hợp theo quy định tại Đ 91, khoản 1 Điều 95 và khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng.

[3] Xét trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ: Căn cứ vào hợp đồng thế chấp tài sản số 012/21/HĐTC-BDS/1007-2822, ngày 15/01/2021, giữa Ngân hàng thương mại cổ phần KL với ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Đ cam kết trường hợp không trả nợ hoặc trả không đủ thì bên nh thế chấp là Ngân hàng thương mại cổ phần KL có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là Tài sản thế chấp dùng để bảo đảm hợp đồng tín dụng QSDĐ số CQ 363072, số vào sổ cấp giấy chứng nh quyền sử dụng đất 108636, tờ bản đồ số 564, tờ bản đồ số 5; diện tích 186.7m²; tọa lạc tại ấp Thanh Phong, xã Thanh Phước, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 17/01/2019, ông Nguyễn Văn Th đứng tên, để thu hồi nợ theo quy định.

Từ những nh định đã nêu, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nh; chấp nh yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Văn Th bà Nguyễn Thị Đ gốc 150.000.000 đồng; lãi trong hạn 22.373.014 đồng; tiền phạt chậm trả lãi: 2.638.063 đồng; lãi quá hạn: 28.497.945 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 203.509.022 đồng (Hai trăm lẻ ba triệu năm trăm lẻ chín nghìn không trăm hai mươi hai đồng) và lãi suất sau ngày 17/01/2025 đến khi trả dứt số nợ trên.

- Nếu ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp các bên đã ký kết.

Trường hợp ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Đ trả dứt nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng TMCP KL có trách nhiệm trả lại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp các bên đã ký kết.

[6] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP KL được chấp nh nên không phải chịu án phí. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng đã nộp.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho Ngân hàng TMCP KL là $203.509.022 \text{ đồng} \times 5\% = 10.175.451 \text{ đồng}$ (Mười triệu một trăm bảy mươi năm nghìn bốn trăm năm mươi một đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Đ 26, điểm c khoản 1 Đ 39, khoản 1 Đ 147, Đ 266, Đ 271, Đ 273; Đ 212 và Đ 213, 235 ; 244; 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Đ 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Đ 91; Đ 94; Điều 95; Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng điểm Đ 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nh yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP KL.

Buộc ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho Ngân hàng TMCP KL số tiền gốc 150.000.000 đồng; lãi trong hạn 22.373.014 đồng; tiền phạt chậm trả lãi: 2.638.063 đồng; lãi quá hạn: 28.497.945 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 203.509.022 đồng (Hai trăm lẻ ba triệu năm trăm lẻ chín nghìn không trăm hai mươi hai đồng) và lãi suất sau ngày 17/01/2025 đến khi trả dứt số nợ trên.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, ông Th, bà Đ còn phải trả cho Ngân hàng TMCP KL tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa Th tại hợp đồng. Trường hợp tại hợp đồng cấp tín dụng, các bên có thỏa Th về việc Đ chỉnh lãi suất cho vay theo từng

thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà ông Th, bà Đ phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được Đ chỉnh cho phù hợp với sự Đ chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Trường hợp ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Đ trả hết tiền nợ gốc và tiền nợ lãi cho Ngân hàng TMCP KL, thì Ngân hàng TMCP KL có trách nhiệm trả lại cho ông Th, bà Đ tài sản thế chấp theo hợp đồng đồng thế chấp số 012/21/HĐTC-BDS/1007-2822, ngày 15/01/2021 là quyền sử dụng đất số CQ 363072, sổ vào sổ cấp giấy chứng nh quyền sử dụng đất 108636, thửa số 564, tờ bản đồ số 5; diện tích 186.7m²; tọa lạc tại ấp Thanh Phong, xã Thanh Phước, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 17/01/2019, ông Nguyễn Văn Th đứng tên.

Trường hợp ông Th, bà Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng TMCP KL có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp tài sản theo hợp đồng đồng thế chấp số 012/21/HĐTC-BDS/1007-2822, ngày 15/01/2021 là quyền sử dụng đất số CQ 363072, sổ vào sổ cấp giấy chứng nh quyền sử dụng đất 108636, thửa số 564, tờ bản đồ số 5; diện tích 186.7m²; tọa lạc tại ấp Thanh Phong, xã Thanh Phước, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 17/01/2019, ông Nguyễn Văn Th đứng tên để thu hồi nợ.

2. Án phí:

Ngân hàng TMCP KL được nh lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.075.000 đồng (bốn triệu không trăm bảy mươi năm nghìn đồng), do Lê Trường H nộp thay theo biên lai thu số 0008910, ngày 04/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí có giá ngạch là 10.175.451 đồng (Mười triệu một trăm bảy mươi năm nghìn bốn trăm năm mươi một đồng)

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Ngân hàng TMCP KL có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án kể từ nh được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Đ 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Đ 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Đ 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nH:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

.

